

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2024/HSST
Ngày: 15 - 11 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Phan Ngọc Thạch;

2- Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Kiên Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 111/2024/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh năm 1979 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1957, con bà Trần Thị Đ, sinh năm 1958; vợ con: Không có; tiền án: Tại Bản án số: 09/2010/HSST ngày 19/12/2010 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 năm 03 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/8/2011; Bản án số 60/2012/HSST ngày 10/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh áp dụng khoản 1 Điều 136, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt theo Điều 50 Bộ luật hình sự, bị cáo M phải chấp hành chung hình phạt là 03 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/3/2015; Bản án số: 23/2016/HSST, ngày 31/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân

Châu, tỉnh Tây Ninh áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm p, o, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 136, điểm p, o, khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 04 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt theo Điều 50 Bộ luật hình sự, bị cáo M phải chấp hành chung hình phạt là 06 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù tháng 02/2021; Bản án số: 67/2016/HSST, ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/7/2024. Chưa xóa án tích; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/8/2024 chuyển tạm giam ngày 14/8/2024 đến nay (có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Trần Cao D, sinh năm 1965, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Anh Trần Cao V, sinh năm 1990, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 04/8/2024, do cần tiền để tiêu xài, Nguyễn Văn M đi bộ từ nhà đến địa bàn xã T, huyện T để tìm tài sản lấy trộm. Đến 04 giờ sáng ngày 05/8/2024, M đi đến nhà ông Trần Cao D, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh thấy có mở đèn và cửa nhà phía sau không khóa nên M mở cửa đi vào lấy trộm 02 điện thoại di động hiệu Oppo của anh Trần Cao V (con ruột ông D) đang để trên bàn gần kệ bếp. Sau đó, M phát hiện 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 70K1-470.42 của ông D, đang có sẵn chìa khóa cắm trên ổ khóa xe nên M đi đến lấy trộm xe rồi đẩy đến khu vực vườn cao su cách nhà ông D khoảng 220 mét rồi nổ máy xe chạy được 01 đoạn thì bị anh V phát hiện bắt giữ cùng tang vật và trình báo Công an xã T.

* Kết luận định giá tài sản số: 28/KL-HĐĐG, ngày 07/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 70K1-470.42, số khung: 3908HY507618, số máy: JA39E0482772 tại thời điểm định giá ngày 05/8/2024 trị giá 8.167.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh, số I: 865039064995592 tại thời điểm định giá ngày 05/8/2024 trị giá 2.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen, số Imeil: 865039069552414 tại thời điểm định giá ngày 05/8/2024 trị giá 2.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 13.167.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 70K1-470.42 đã trả lại cho ông Trần Cao D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen đã trả cho anh Trần Cao V.

Xác minh tài sản: Nguyễn Văn M không có tài sản nên Cơ quan điều tra không tiến hành kê biên.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Cao D, anh Trần Cao V đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường.

Tại cáo trạng số: 115/CT-VKSTC ngày 11 - 10 - 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo các điểm b, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ các điểm b, g Khoản 2 Điều 173; các điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 05 đến 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn M đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Phản tranh luận: Bị cáo không tranh luận.

Biện pháp tư pháp: Do đã trả vật chứng cho chủ sở hữu và bị hại không yêu cầu bồi thường, nên tại phiên tòa không đặt ra xử lý.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Không trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về người tham gia tố tụng: Bị hại ông Trần Cao D, anh Trần Cao V vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến vụ án, nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt các bị hại.

[3] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn M khai nhận: Bị cáo có đủ năng lực nhận thức được hành vi, biết việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vào khoảng 04 giờ sáng ngày 05/8/2024, khi đi ngang qua nhà ông Trần Cao D, bị cáo M thấy đèn phía sau sáng nhưng cửa không có khóa, nên bị

cáo đã lén lút vào lấy trộm 01 xe mô tô và 02 chiếc điện thoại. Khi bị cáo đi đến khu vực lô cao su cách nhà ông D khoảng 220 mét thì bị phát hiện và bắt quả tang cùng vật chứng. Kết quả định giá tài sản là 13.167.000 (mười ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Do đó hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo không có nghề nghiệp ổn định lấy việc trộm cắp làm nguồn sinh sống chính, lần phạm tội này là lần thứ năm, nên phạm tội mang tính chất chuyên nghiệp; bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, các tình tiết trên là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại các điểm b, g khoản 2 Điều 173 bộ luật Hình sự như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, nên phải chịu trách nhiệm hình sự do hành chính hành vi của bị cáo đã gây ra.

[5] Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối bị cáo.

[5.1] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.2] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Xét thấy bị cáo đã có 04 tiền án về tội “trộm cắp tài sản” nhưng khi chấp hành hình phạt tù xong bị cáo không tỏ ra ăn năn hối cải mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp, hình vi trên thể hiện sự xem thường pháp luật, thời gian chấp hành các bản án trước chưa đủ thời gian giáo dục, cải tạo bị cáo, nên Hội đồng xét xử cần xử bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình làm việc ông D, anh V không yêu cầu bồi thường thiệt, nên cần ghi nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh bị cáo Nguyễn Văn M không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm b, g Khoản 2 Điều 173; các điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 05 (năm) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05/8/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý xong trong giai đoạn điều tra.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận ông D, anh V không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo Nguyễn Văn M biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng ông Trần Cao D, anh Trần Cao V được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi người vắng mặt cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CCTHADS huyện Tân Châu;
- Bị cáo;
- THA phạt tù;
- CQ điều tra CA huyện Tân Châu;
- Nhà tạm giữ CA huyện Tân Châu.
- VP Công an huyện Tân Châu;
- Phòng PV06- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Minh Tuấn